

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

QUẬN LONG BIÊN

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **11/2018/HNGĐ -ST**

Ngày: 06/02/2018

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Nhac

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thúy Hà - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 651/2017/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2017/QĐXX ngày 26 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Số X ngách 604/1, tổ 25 phường N, quận L, Hà Nội.

(Bà Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1961.

Nơi cư trú cuối cùng: Số X ngách 604/1, tổ 25 phường N, quận L, Hà Nội (Đã bị Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định tuyên bố mất tích số 14/2017/QĐST-VDS ngày 29/9/2017).

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đức Giang, huyện Gia Lâm (nay là UBND phường Đức Giang, quận Long Biên), TP. Hà Nội năm 1990.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Tập thể kho K72, thị trấn Đức Giang, huyện Gia Lâm (nay là phường Đức Giang, quận Long Biên), TP. Hà Nội. Sau khi bà Q mang thai, hai vợ chồng bà chuyển về ở nhà ngoại tại tổ 25 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống đến cuối năm 1990 ông H đã bỏ nhà đi không rõ lý do. Từ đó đến nay vợ chồng ông bà ly thân và bà Q không có tin tức gì về ông H. Năm 2017, bà Q đã tiến hành làm thủ tục tuyên bố một người mất tích đối với ông H, trong đó có đăng báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng đến nay đã nhiều tháng mà ông H vẫn không về nhà. Hiện nay bà thấy cuộc sống hôn nhân như vậy không có hạnh phúc và bà cũng không thể chờ đợi ông H được nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thu H, sinh 19/11/1990. Hiện nay, chị H đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Về công nợ chung: Bà khẳng định không nợ ai và không cho ai vay, nếu sau này phát sinh tranh chấp bà xin tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn H: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định tuyên bố ông mất tích theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q theo quyết định số 14/2017/QĐST-VDS ngày 29/9/2017. Từ đó đến nay, ông H cũng không có tin tức gì. Vì vậy, quá trình tiến hành tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông H đã bị Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định tuyên bố ông mất tích theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q theo quyết định số 14/2017/QĐST-VDS ngày 29/9/2017. Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông H là có căn cứ.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Q đối với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thu H, sinh 19/11/1990. Hiện nay, chị H đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung của ông bà: do không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn H nơi cư trú cuối cùng tại số X ngách 604/1, tổ 25 phường N, quận L, Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 40 BLTTDS.

Việc nguyên đơn bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt và bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 điều 227 BLTTDS, nên chấp nhận.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định tuyên bố ông mất tích theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q theo quyết định số 14/2017/QĐST-VDS ngày 29/9/2017. Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H là phù hợp quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị

trấn Đức Giang, huyện Gia Lâm (nay là UBND phường Đức Giang, quận Long Biên), TP. Hà Nội năm 1990. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, từ năm 1990 ông H đã bỏ nhà đi không rõ lý do. Từ đó đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân và bà Q không có tin tức gì.

Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thu H, là con đẻ của ông H thể hiện hiện nay, chị cũng không biết ông H đang ở đâu, làm gì. Từ năm 1990, ông H bỏ nhà đi khi chị còn nhỏ. Gia đình chị đã đi tìm nhiều nơi nhưng không thấy. Nay bà Q có đơn xin ly hôn chị đồng ý với nguyện vọng của bà Q, đề nghị Tòa án cho bà Q ly hôn với ông H.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông H nhiều năm nay đã không chung sống với nhau do ông H đã bỏ đi từ năm 1990, không có liên lạc gì với gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Q làm đơn xin ly hôn với ông H là có căn cứ, là nguyện vọng chính đáng, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Ông bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thu H, sinh 19/11/1990. Hiện nay, chị H đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

*** Về tài sản chung:** không có yêu cầu và tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

*** Về án phí:** Bà Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Q.

Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thu H, sinh 19/11/1990. Chị H hiện nay đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 06138 ngày 27/10/2017 tại Chi cục thi hành án quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-TAND Tp. Hà Nội

-VKSND q. Long Biên

-Chi cục THADS q. Long Biên

-UBND p Đức Giang - Long Biên - Hà Nội.

- Các đương sự

- Lưu HS

- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Mai Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà